

Số: /TTr-ĐLDK

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

## TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch tiền lương/thù lao,  
tiền thưởng năm 2022 của Hội đồng quản trị,  
**Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ về việc Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power);

Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2022 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) của Tổng công ty như sau:

### **I. Báo cáo tình hình tiền lương, thu nhập năm 2021 của HĐQT, BKS**

#### **1. Số người quản lý Tổng công ty (số cuối kỳ):**

| Stt | Chức danh (chuyên trách)  | KH (người) | TH (người) |
|-----|---------------------------|------------|------------|
| 1   | Hội đồng quản trị         | 6          | 6          |
|     | - Chủ tịch HĐQT           | 1          | 1          |
|     | - Thành viên HĐQT         | 4          | 4          |
|     | - Thành viên độc lập HĐQT | 1          | 1          |
| 2   | Ban Kiểm soát             | 5          | 5          |
|     | <b>Tổng cộng</b>          | <b>11</b>  | <b>11</b>  |

## 2. Tiền lương, thu nhập năm 2021 của HĐQT, BKS

### 2.1. Kế hoạch

- Kế hoạch tiền lương năm 2021 của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:

+ Số lượng HĐQT, BKS bình quân kế hoạch: 11 người.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch: 12.095.617.867 đồng.

- Quỹ tiền thưởng của HĐQT, BKS được trích theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

- Các khoản thu nhập khác: HĐQT, BKS được hưởng theo quy định của Nhà nước/PV Power.

### 2.2. Thực hiện

#### a. Tiền lương

- Quỹ tiền lương của người quản lý (trong đó, có HĐQT và BKS) được quyết toán, thực hiện theo quy định của Nhà nước và Tổng công ty.

- Quỹ tiền lương của HĐQT, BKS đã trích:

+ Số lượng HĐQT, BKS bình quân thực hiện: 11,45 người.

+ Quỹ tiền lương đã trích: 12.978.416.157 đồng.

- Quỹ tiền lương của HĐQT, BKS đã chi tính đến 09/3/2022: 11.095.110.539 đồng.

#### b. Thu nhập

Tổng thu nhập năm 2021 của HĐQT, BKS (bao gồm tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và các khoản thu nhập khác được hưởng theo quy định) như sau:

| Stt       | Chức danh (chuyên trách) | Số người (BQ) | Tổng thu nhập (đồng)  |
|-----------|--------------------------|---------------|-----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Hội đồng quản trị</b> | <b>6,45</b>   | <b>7.432.334.818</b>  |
| 1         | Chủ tịch HĐQT            | 1             | 1.289.129.572         |
| 2         | Thành viên HĐQT, TGD     | 1             | 1.290.164.198         |
| 3         | Thành viên HĐQT          | 3,864         | 4.364.375.958         |
| 4         | Thành viên độc lập HĐQT  | 0,583         | 488.665.090           |
| <b>II</b> | <b>Ban Kiểm soát</b>     | <b>5</b>      | <b>5.219.349.904</b>  |
| 1         | Trưởng Ban Kiểm soát     | 1             | 1.187.175.154         |
| 2         | Kiểm soát viên           | 4             | 4.032.174.750         |
|           | <b>Tổng cộng</b>         | <b>11,45</b>  | <b>12.651.684.722</b> |

## II. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2022 của HĐQT, BKS

### 1. Số người quản lý Tổng công ty

| Stt        | Chức danh  | Số lượng (người) |
|------------|--|------------------|
| <b>I</b>   | <b>Chức danh làm việc theo chế độ chuyên trách</b> | <b>12</b>        |
| <b>1</b>   | <b>Hội đồng quản trị</b>                           | <b>7</b>         |
| 1.1        | Chủ tịch HĐQT                                      | 1                |
| 1.2        | Thành viên HĐQT                                    | 5                |
| 1.3        | Thành viên độc lập HĐQT                            | 1                |
| <b>2</b>   | <b>Ban Kiểm soát</b>                               | <b>5</b>         |
| 2.1        | Trưởng Ban Kiểm soát                               | 1                |
| 2.2        | Kiểm soát viên                                     | 4                |
| <b>II</b>  | <b>Chức danh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm</b>   | <b>1</b>         |
|            | Thành viên độc lập HĐQT                            | 1                |
| <b>III</b> | <b>Tổng số HĐQT, BKS (I+II)</b>                    | <b>13</b>        |

### 2. Tiền lương, thu nhập năm 2022 của HĐQT, BKS

#### 2.1. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách

Dự kiến kế hoạch tiền lương năm 2022 của HĐQT, BKS chuyên trách như sau:

| Stt | Chức danh (chuyên trách) | Số người (BQ) | Dự kiến tổng tiền lương trước thuế (đồng) |
|-----|--------------------------|---------------|---|
| 1   | Chủ tịch HĐQT            | 1             | 1.154.675.676                             |
| 2   | Thành viên HĐQT, TGD     | 1             | 1.154.675.676                             |
| 3   | Thành viên HĐQT          | 3,75          | 3.848.918.919                             |
| 4   | Thành viên độc lập HĐQT  | 1             | 1.026.378.378                             |
| 5   | Trưởng Ban Kiểm soát     | 1             | 1.026.378.378                             |
| 6   | Kiểm soát viên           | 4             | 3.649.345.345                             |
|     | <b>Tổng cộng</b>         | <b>11,75</b>  | <b>11.860.372.372</b>                     |

- Việc xác định tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022: Thực hiện theo quy định của Nhà nước (Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước) và quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Tổng tiền lương kế hoạch trước thuế của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nêu trên chưa bao gồm các khoản: Thưởng vận hành an toàn,

các khoản tiền thưởng, phúc lợi,... được hưởng theo quy định của Nhà nước/PV Power.

## **2.2. Kế hoạch thù lao của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ kiêm nhiệm**

### **a. Kế hoạch thù lao của Thành viên độc lập HĐQT kiêm nhiệm**

Quỹ thù lao kế hoạch được xác định trên cơ sở số người quản lý công ty không chuyên trách, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân của người quản lý công ty chuyên trách (theo Điều 6 Nghị định 53/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH). Theo đó, quỹ thù lao kế hoạch của Thành viên độc lập HĐQT kiêm nhiệm PV Power được xác định như sau:

- Số lượng: 01 người.
- Số tháng làm việc: 8,5 tháng.
- Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách: 84,391 triệu đồng/người/tháng.
- Mức thù lao kế hoạch tối đa:  $20\% \times 84,391 = 16,878$  triệu đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao kiêm nhiệm:  $01 \text{ ng} \times 8,5 \text{ th} \times 16,878 \text{ trđ} = 143,463$  triệu đồng.

### **b. Kế hoạch chi trả thù lao của thành viên độc lập HĐQT kiêm nhiệm**

Việc chi trả thù lao cho thành viên độc lập HĐQT kiêm nhiệm được thực hiện theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý PV Power.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Ban KSNB;
- Lưu: VT, TCNS, KTKH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Công Kỳ**